

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 27 - 9 - 2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Tòa nhà C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy K – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/09/2019) – có mặt.

*Bị đơn:* Ông Khổng Đức N; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị L; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:*

Ngày 25/03/2015, ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L có vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch T số tiền 12.000.000 đồng; mục đích vay vốn: khoan giếng, xây nhà vệ sinh; thời hạn cho vay 59 tháng; lãi suất trong hạn 0,8%/tháng; lãi suất quá hạn 1,040%/tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần, mỗi lần 1.200.000 đồng; tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Ông N, bà L đã vi phạm hợp đồng không trả nợ như đã cam kết, hiện đang còn dư nợ 12.000.000 đồng tiền gốc và 2.494.733

đồng tiền lãi.

Ngày 29/3/2017, ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L có vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch T số tiền 35.000.000 đồng; mục đích vay vốn: đầu tư vườn tiêu; thời hạn cho vay 48 tháng; lãi suất trong hạn 0,6875%/tháng; lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/lần, mỗi lần 9.000.000 đồng; tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Ông N, bà L đã vi phạm hợp đồng không trả nợ như đã cam kết, hiện đang còn dư nợ 35.000.000 đồng tiền gốc và 3.133.000 tiền lãi trong hạn và 2.183.600 đồng tiền lãi quá hạn.

Phòng giao dịch T – Ngân hàng C đã có thông báo và làm việc với ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L yêu cầu trả nợ nhiều lần, nhưng ông, bà không trả nợ; hiện nay món vay đã quá hạn nên Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L phải trả tổng số tiền gốc và tiền lãi trong hạn và trả tiền lãi suất trên dư nợ gốc đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với bị đơn ông Khổng Đức N và người cò nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại Công an xã Đ xác định: Ông N, bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L nhưng Ông N, bà L vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ngày 25/03/2015, Ngân hàng C cho ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L vay số tiền 12.000.000 đồng; ngày 29/3/2017, cho Ông N, bà L vay 35.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L không trả nợ như cam kết; tính đến ngày 24/9/2021, Ông N, bà L còn nợ:

Nợ gốc: 35.000.000 đồng và 12.000.000 đồng.

Lãi trong hạn của khoản vay 35.000.000 đồng: 3.133.000 đồng.

Lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 35.000.000 từ ngày 20/3/2021 đến ngày 24/9/2021: 2.183.600 đồng.

Lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 12.000.000 từ ngày 20/02/2020 đến ngày 24/9/2021: 2.494.733 đồng.

Tổng cộng: 54.811.333 đồng.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 54.811.333 đồng.

Ông N, bà L tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và chịu 2.740.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L phải trả tổng số tiền 54.811.333 đồng, do Ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà Ông N, bà L đã ký kết với Ngân hàng, đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ông N, bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Ông N, bà L chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng Ông N, bà L không đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho Ông N, bà L theo thủ tục chung nhưng bị đơn Ông N, bà L không hợp tác, vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2021 và phiên tòa hôm nay, Ông N, bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ngày 25/03/2015, ông Khổng Đức N, bà Bùi Thị L ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C vay số tiền 12.000.000 đồng; thời hạn vay: 59 tháng; mục đích

vay: khoan giếng, xây nhà vệ sinh; lãi suất trong hạn 0,8%/tháng; lãi suất quá hạn 1,040%/tháng.

Ngày 29/3/2017, Ông N, bà L tiếp tục ký hợp đồng ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C vay số tiền 35.000.000 đồng; thời hạn vay: 48 tháng; mục đích vay: đầu tư vườn tiêu; lãi suất trong hạn 0,6875%/tháng; lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng.

Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa Ông N, bà L và Ngân hàng C là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 12 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Không Đức N, bà Bùi Thị L không trả nợ như cam kết.

[3.2]. Đối với số tiền nợ gốc: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm Ông N, bà L còn nợ số tiền 35.000.000 đồng và 12.000.000 đồng, Ngân hàng đã yêu cầu nhưng Ông N, bà L vẫn không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điểm c khoản 3.2 Điều 3 của Sổ vay vốn, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc Ông Không Đức N, bà Bùi Thị L phải trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng và 12.000.000 đồng cho Ngân hàng C.

[3.3]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi trên tiền nợ gốc quá hạn: Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 03/3/2017 và ngày 26/3/2021 có quy định lãi trong hạn; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 130%/năm lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tính đến ngày 24/9/2021, Ông N, bà L còn phải trả:

Lãi trong hạn của khoản vay 35.000.000 đồng: 3.133.000 đồng.

Lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 35.000.000 từ ngày 20/3/2021 đến ngày 24/9/2021: 2.183.600 đồng.

- Lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 12.000.000 từ ngày 20/02/2020 đến ngày 24/9/2021: 2.494.733 đồng.

Tổng số tiền ông Không Đức N, bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng C là 54.811.333 đồng. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C được chấp nhận nên ông Không Đức N, bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.740.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp

dụng khoản 12 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 119, Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Không Đức N, bà Bùi Thị L.

Buộc ông Không Đức N, bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 54.811.333 đồng (*năm mươi bốn triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) trong đó gồm: nợ gốc 47.000.000 đồng; lãi trong hạn của khoản vay 35.000.000 đồng; 3.133.000 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 35.000.000 từ ngày 20/3/2021 đến ngày 24/9/2021: 2.183.600 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc của khoản vay 12.000.000 từ ngày 20/02/2020 đến ngày 24/9/2021: 2.494.733 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2021, ông Không Đức N, bà Bùi Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Không Đức N, bà Bùi Thị L phải nộp 2.740.000 đồng (*hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**

